TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**
Số: 01 /2018/QĐST- HNGĐ	*T, ngày 19 tháng 12 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 02/2018/TLST - HNGĐ ngày 03/12/2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Phùng Thị L** - Sinh năm 1995

Trú tại: khu Đ, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Bị đơn: Anh **Hoàng Văn S** - Sinh năm 1991

Trú tại: khu Đ, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12/12/2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12/12/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. **Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Chị Phùng Thị L và anh Hoàng Văn S.
2. **Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về con chung: Cả hai đều xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng Thị T – Sinh ngày 30/9/2013. Sau khi ly hôn chị L và anh S thỏa thuận chị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu T. Anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L cho cháu T mỗi tháng 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng). Kể từ tháng 12/2018 cho đến khi cháu T thành niên và có khả năng lao động. Anh S có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, riêng, công nợ: Cả hai đều xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về công sức:** Cả hai đều xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm**: Chị Phùng Thị L và anh Hoàng Văn S được miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 12 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

3. **Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh ;
-VKSND tỉnh, huyện;
-THA dân sự;
- UBND xã T;
-Các đương sự;
-Lưu: HS+ VP.

Thẩm phán

(đã ký)

Nguyễn Hà Giang